

CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP CỦA NÔNG DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

**The Receipts from Farmers at Kim Thanh District, Hai Duong Province:
Situation and Solution**

Bùi Bằng Đoàn, Nguyễn Thị Thủy

Khoa Kế toán & Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

TÓM TẮT

Các khoản đóng góp của nông dân trên địa bàn cả nước trong mấy năm gần đây được nhiều người quan tâm. Với mức bình quân khoảng 28 khoản từ 250 ngàn đồng đến 800 ngàn đồng, cá biệt có địa phương đóng tới 2 triệu đồng/hộ/năm là vấn đề cần có sự vào cuộc của những người có trách nhiệm với sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn để rà soát lại các khoản thu đối với nông dân. Bài viết này đưa ra thực trạng các khoản đóng góp của nông dân huyện Kim Thành tỉnh Hải Dương trong những năm gần đây. Trên cơ sở phân tích các khoản đóng góp theo góc độ khác nhau, bài viết khẳng định sự cần thiết và tính hợp lý đối với các khoản đóng góp của nông dân và đưa ra một số lời bàn từ các khoản đóng góp, nhằm đề xuất một số giải pháp huy động, sử dụng hợp lý các khoản đóng góp của nông dân huyện Kim Thành nói riêng, các địa phương trong cả nước nói chung, để thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước hỗ trợ nông dân xóa đói giảm nghèo, vươn lên làm giàu trên chính mảnh đất quê hương mình.

Từ khoá: Khoản đóng góp, khoản thu, nông dân, phát triển nông thôn.

SUMMARY

The fees contributed by farmers in nationwide have been received much attention in recent years. In average about 28 items varied from 250 to 800 thousands VND have been paid by farmers. Particularly in some local, this number has reached to 2 millions VND per household. Therefore, it is necessary to consider and check the accountability of those fees of farmers. This paper reveals the real situation about farmer's contributions in Kim Thanh district, Hai Duong province in recent years. Based on results from survey and analyze in different views, this paper affirms necessity and reasonableness and also debate about on farmer's contribution items. Some solutions are recommended in order to mobilize and use efficiency farmer's contributions in Kim Thanh in particular and in the whole Vietnam in general. This will help farmers to reduce poverty in rural area in Vietnam.

Key words: Contributions, farmer, fee, rural development.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trải qua hàng ngàn năm lịch sử, người nông dân đã có công đóng góp sức người, sức của cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm hỗ trợ, giúp đỡ nông dân phát triển kinh tế, thực hiện xóa đói giảm nghèo. Ngoài các khoản hỗ trợ cho nông dân,

nhiều chính sách còn hướng đến nhằm miễn, hoặc giảm bớt các khoản đóng góp cho nông dân với mục đích thu hẹp khoảng cách đời sống giữa thành thị và nông thôn, giảm bớt khó khăn cho người nông dân.

Nhưng một thực tế đã và đang diễn ra, Nhà nước thì cương quyết miễn giảm các khoản thu và mong muốn xóa bỏ hoàn toàn

một số khoản. Ở các địa phương, nhất là cấp cơ sở lại phát sinh quá nhiều khoản đóng góp mà từng hộ, từng người nông dân dường như phải “gồng mình” gánh vác, ngay cả trong điều kiện đời sống còn rất nhiều khó khăn. Đặc biệt, một nghịch lý xảy ra: những vùng có thu nhập càng thấp thì mức và tỷ lệ các khoản đóng góp của nông dân lại càng cao. Chính vì thế, nhiều nơi người nông dân không còn phấn khởi trong sản xuất, có nơi đã xuất hiện tình trạng nông dân trả lại đất hoặc để hoang hoá rồi đổ ra thành thị và các khu công nghiệp kiếm việc làm để tăng thu nhập. Nguy hại hơn, từ những căn nguyên trên, tại nhiều địa phương nông dân đã có những phản ứng bột phát không tích cực, gây nên những bức xúc không cần thiết trong xã hội. Chính vì vậy, trong thời gian gần đây, các cơ quan chức năng đã vào cuộc để tìm hiểu thực tế nhằm giúp Nhà nước đưa ra những chính sách hợp lý cho nông nghiệp, nông dân.

Theo kết quả điều tra của một số nghiên cứu cho thấy, ở các địa phương khác nhau có sự khác nhau về nội dung và mức độ các khoản đóng góp của nông dân. Theo báo cáo của 46 tỉnh thành, điều tra ở 135 xã và 117 hợp tác xã, bình quân mỗi hộ dân phải đóng góp tới 28 khoản/năm với tổng mức từ 250.000 đồng đến 800.000 đồng, những khoản đóng góp này chiếm hơn 5% thu nhập của nông dân, nhiều nơi con số này còn cao hơn nữa (Cục Hợp tác xã, 2007). Cũng cần phải thấy rằng các khoản phí, lệ phí có tính lịch sử và rất cần thiết cho bất kỳ giai đoạn phát triển nào, nếu nó là các khoản thu hợp lý. Phần lớn người dân đều cho rằng, các khoản đóng góp là hợp lý nếu nó phục vụ cho mục đích phát triển chung, tuy nhiên mức đóng góp là bao nhiêu phải dựa trên thực tế thu nhập của nông dân qua từng thời kỳ. Mặt khác, các khoản đóng góp sẽ không hợp lý hoặc có tác dụng tiêu cực nếu nó được sử dụng không đúng mục đích và đúng đối tượng. Đây là vấn đề quan trọng, liên quan đến đời sống xã hội của địa phương, của mỗi người dân nên sự phản ứng trước tác động

của nó rất khác nhau. Tuy nhiên, với mức thu nhập thấp từ nông nghiệp như hiện nay, nông dân lại phải đóng góp những khoản không hợp lý là điều khó có thể chấp nhận. Vì vậy vấn đề đặt ra cần phải có những giải pháp thích hợp.

Kim Thành là một huyện thuần nông của tỉnh Hải Dương có tỷ lệ nông dân chiếm đến 80% dân số cũng đang nằm trong tình trạng nói trên. Gánh nặng của các khoản đóng góp đối với nông dân của huyện trong thời gian qua đã ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương.

Để có đầy đủ thông tin về các khoản đóng góp của nông dân Kim Thành trong thời gian qua, cần phải tổ chức điều tra, nghiên cứu một cách đầy đủ, làm cơ sở cho việc đưa ra các giải pháp nhằm miễn giảm các khoản đóng góp không hợp lý cho nông dân. Mục đích bài viết này muốn làm rõ thực trạng về các khoản phí, lệ phí và những bất hợp lý về các khoản đóng góp của nông dân huyện Kim Thành những năm vừa qua. Việc phân tích tập trung làm rõ hơn mức độ ảnh hưởng của các khoản đóng góp đến thu nhập của nông dân, đặc biệt là những tác động tích cực, tiêu cực và phản ứng của nông dân đối với các khoản đã đóng góp. Trên cơ sở kết quả phân tích, sẽ đề xuất một số ý kiến với mong muốn tạo nên sự công bằng về trách nhiệm và quyền lợi của người dân đối với các vấn đề về nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp thu thập số liệu: các số liệu được thu thập phục vụ cho nội dung nghiên cứu bao gồm các thông tin thứ cấp và sơ cấp trên cơ sở thu thập tại các cơ quan chức năng của huyện và tiến hành điều tra 180 hộ trong phạm vi 3 xã đại diện gồm xã Kim Đính, xã Ngũ Phúc, xã Kim Tân, mỗi xã đại diện cho 3 tiểu vùng có đặc điểm kinh tế xã hội khác nhau của huyện Kim Thành.

Phương pháp tổng hợp và phân tích: Trên cơ sở số liệu thu thập được, chúng tôi tiến hành tổng hợp và phân tích theo các mục đích, tiêu chí và góc độ khác nhau.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Một số đặc điểm về tình hình kinh tế - xã hội của huyện Kim Thành

Kim Thành là một huyện thuần nông, cách trung tâm thành phố Hải Dương 23 km, với diện tích 112,9 km², dân số 124.439 người, mật độ dân số trung bình 1.102 người/km², gồm 20 xã và 1 thị trấn.

Tuy là huyện nông nghiệp nhưng Kim Thành lại có nhiều ưu thế cho phát triển kinh tế, như điều kiện về giao thông, gần các khu công nghiệp phát triển của Hải Dương và Hải Phòng. Từ những thuận lợi trên, cùng với sự chỉ đạo đúng hướng của các cấp, các ngành trong tỉnh nên cơ cấu kinh tế của huyện đã có sự chuyển dịch theo hướng tích cực và phù hợp với xu thế phát triển chung (Bảng 1). Việc phát triển kinh tế đã hướng đến việc tận dụng được tiềm năng thế mạnh của huyện, góp phần đẩy mạnh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa với tỷ trọng ngành nông nghiệp giảm dần, tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ ngày càng tăng.

Mấy năm gần đây, tuy kinh tế của huyện đã được phát triển nhưng kinh tế chủ yếu vẫn dựa vào nông nghiệp và nông dân vẫn đóng một vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế xã hội của địa phương. Mặc dù vấn đề “tam nông” đã được coi trọng trong các chính sách

phát triển kinh tế của huyện, nhưng đời sống của đại bộ phận nông dân vẫn khó khăn do chủ yếu thu nhập từ nông nghiệp. Tuy nhiên hàng năm nông dân các xã vẫn phải đóng góp nhiều khoản cho các mục đích phát triển khác nhau của từng địa phương, trong đó có những khoản thực sự tích cực, nhưng có những khoản còn bất hợp lý nên cần phải có vai trò kiểm soát của các cấp quản lý để các chính sách của Đảng và Nhà nước thực sự đem lại lợi ích cho nông dân.

3.2. Thực trạng các khoản đóng góp của nông dân huyện Kim Thành

Mấy năm gần đây sản xuất nông nghiệp diễn biến có nhiều bất lợi đối với nông dân, cụ thể giá các đầu vào cho sản xuất thì tăng, giá đầu ra thì giảm trong khi thu nhập của nông dân Kim Thành chủ yếu vẫn dựa vào nông nghiệp. Mặc dù mức thu nhập của các hộ thấp, nhưng các khoản đóng góp dưới nhiều hình thức khác nhau vẫn tăng lên đã tác động không nhỏ đến đời sống của người nông dân.

Các khoản đóng góp của nông dân thể hiện rất đa dạng, đó là các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác. Có những khoản được quy định trong danh mục, có khoản không có quy định và chỉ phát sinh trong những điều kiện cụ thể nào đó. Xét về mặt pháp lý, nhiều khoản đóng góp được quy định trong các văn bản của Nhà nước, của tỉnh, tuy nhiên cũng có nhiều khoản do địa phương tự đặt ra, có khoản mang tính tự nguyện nhưng cũng có khoản mang tính bắt buộc.

Bảng 1. Cơ cấu kinh tế của huyện Kim Thành

Ngành kinh tế	Đơn vị tính: %		
	Năm 2003	Năm 2005	Năm 2007
1. Nông nghiệp	64,3	55,0	50,1
2. Công nghiệp và xây dựng	13,7	21,4	26,1
3. Dịch vụ - thương mại	22,0	23,6	23,8
Tổng cộng	100	100	100

(Nguồn: Phòng thống kê huyện Kim Thành, 2007)

Kết quả điều tra tại địa phương cho thấy, mức đóng góp của nông dân chiếm tỷ lệ khá cao so với tổng thu nhập, với mức bình quân từ 500.000 đến 900.000/hộ/năm, chiếm từ 1,62 - 6,92% thu nhập. Các khoản thu hợp pháp từ nông dân tuy khá lớn, cụ thể năm 2007 cả huyện là trên 4.200 tỷ đồng nhưng chỉ chiếm 11,27% trong tổng thu ngân sách của huyện. Về thực chất, ngoài các khoản thu hợp pháp, còn có nhiều khoản thu không có trong danh sách cũng chiếm tỷ lệ lớn trong thu nhập và chủ yếu phục vụ cho các hoạt động của các tổ chức, các đơn vị cơ sở.

Như vậy, ở mỗi cấp, các khoản đóng góp phát sinh là khác nhau, vấn đề là mức đóng góp và việc sử dụng các khoản này cho các mục đích như thế nào để phát huy tác dụng tích cực của nó?

Tại huyện Kim Thành đang tồn tại 27 khoản thu từ nông dân (Bảng 2), trong đó mức thu trung bình các tỉnh thành trong cả nước là 28 khoản. Trong số 12 khoản do xã thu chỉ có 4 khoản do tỉnh quy định thống

nhất trong toàn huyện. Các khoản do thôn xóm thu không có trong quy định và mức đóng góp ở các xã có sự khác nhau cả về khoản đóng góp, mức đóng góp, thậm chí có sự khác nhau giữa các nhóm hộ. Sự khác nhau trên do mỗi địa phương tiến hành thu theo các căn cứ khác nhau, như thu theo lao động, theo diện tích, theo nhân khẩu...

Kết quả điều tra hộ cho thấy UBND xã và HTX có số khoản thu và mức thu cao hơn cả (Bảng 3), trong đó chủ yếu là các khoản thu về đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, như làm đường, xây dựng nhà văn hóa...

Như vậy, các xã có số khoản thu từ các đối tượng tương đối giống nhau, tuy nhiên mức thu theo từng đối tượng của các xã lại khác nhau, đây cũng có thể coi là hợp lý vì mỗi địa phương khác nhau, tùy thuộc điều kiện mà quy định mức thu khác nhau. Vấn đề cần quan tâm là số khoản thu từ các đối tượng do ai quy định và tổ chức thu để sử dụng vào mục đích gì? Đây là vấn đề cần làm rõ để điều chỉnh cho hợp lý.

Bảng 2. Các khoản nông dân phải nộp cho các đối tượng

Tỉnh thu	UBND xã thu	HTX thu	Thôn, xóm thu
Quỹ phòng chống lụt bão	Thuế nhà đất	Phí quản lý và điều hành HTX	Quỹ xóm
Quỹ đền ơn đáp nghĩa	Thu công điền	Dịch vụ Bảo vệ thực vật	Quỹ tang hiếu
Quỹ an ninh	An ninh địa phương	Dịch vụ thú y	Quỹ tình nghĩa
Quỹ y tế dự phòng	Quỹ thiết kế địa phương	Thuỷ lợi phí (TLP)	
	Quỹ thiếu nhi	Tu bổ kênh mương	
	Quỹ vệ sinh môi trường	Phí bảo vệ đồng điền	
	Quỹ khuyến học	Kiến thiết đồng ruộng	
	Quỹ đóng góp xây dựng	Thu phạt tiền nợ TLP (30%)	
	Ứng hộ nạn nhân chất độc màu da cam		
	Thu khoản dân nợ Ủy ban (10% nợ)		
	Thu khoản dân nợ tiền làm sân văn hoá (15% nợ)		
	Xây dựng công trình nước sạch		

(Phòng Tài chính huyện Kim Thành, 2007)

Bảng 3. Tình hình các khoản đóng góp tại các xã điều tra

Xã	Đối tượng thu	Do tỉnh thu		Do UBND xã thu		Do HTX thu		Do thôn xóm thu	
		Số khoản	Mức thu bình quân (đ/hộ/năm)	Số khoản	Mức thu bình quân (đ/hộ/năm)	Số khoản	Mức thu bình quân (đ/hộ/năm)	Số khoản	Mức thu bình quân (đ/hộ/năm)
Xã Kim Định		4	33.831,8	10	183.317,0	7	243.443,4	2	12.916,7
Xã Ngũ Phúc		4	26.917,7	9	378.372,4	7	289.956,2	3	23.333,3
Xã Kim Tân		4	34.462,8	10	566.395,5	7	314.974,6	2	14.833,3

Bảng 4. Mức đóng góp của hộ cho các đối tượng

ĐVT: đồng/hộ/năm

Đối tượng thu	Kim Định			Ngũ Phúc			Kim Tân		
	Hộ khá	Hộ TB	Hộ kém	Hộ khá	Hộ TB	Hộ kém	Hộ khá	Hộ TB	Hộ kém
Tỉnh	35.125	34.215	32.155	28.250	27.377	25.125	36.858	34.375	32.155
UBND xã	231.637	176.648	210.324	368.970	387.525	394.087	557.982	566.530	592.370
HTX dịch vụ	233.184	246.954	250.192	269.861	291.156	308.851	297.919	318.918	328.087
Thôn, xóm	15.000	12.500	11.250	25.000	22.500	22.500	17.000	14.250	13.250
Tổng cộng	514.947	470.317	503.922	692.082	728.559	750.564	909.760	934.074	965.862

Bảng 5. Mức đóng góp của hộ theo nhân khẩu, diện tích, lao động

ĐVT: đồng/hộ/năm

Căn cứ thu	Kim Định			Ngũ Phúc			Kim Tân		
	Hộ khá	Hộ TB	Hộ kém	Hộ khá	Hộ TB	Hộ kém	Hộ khá	Hộ TB	Hộ kém
Theo hộ	58.590	52.025	45.205	53.235	49.847	44.150	60.593	55.360	51.075
Nhân khẩu	66.395	63.030	63.600	232.415	235.130	243.275	384.705	384.705	398.610
Lao động	47.040	44.100	42.140	54.900	52.460	50.020	63.000	58.800	57.400
Diện tích	286.191	300.903	338.265	351.531	354.563	407.339	395.245	422.490	441.592
Thu khác	56730	10.258	14.711		2.694	5.779	6.216	12.718	17.183
Tổng cộng	514.946	470.316	503.921	692.081	694.694	750.563	909.759	934.073	965.860
TB từng xã		496.395,4			712.447,2			936.565,1	
TNTB (triệu/năm)	31,87	22,2	14,4	31,12	21,38	14,28	30,84	22,13	13,96
Tỷ lệ (%) đóng góp/ thu nhập	1,62	2,12	3,49	2,22	3,25	5,26	2,95	4,22	6,92

Kết quả điều tra phân theo nhóm hộ, nhưng do đối tượng thu theo nhân khẩu, lao động nên các hộ kinh tế kém lại có mức đóng góp cao hơn hộ trung bình và hộ khá. Đây là những bất hợp lý càng làm khó khăn thêm cho đời sống của những hộ nghèo. Như vậy, vấn đề đặt ra là cần phải xác định lại căn cứ thu và mức thu đối với mỗi khoản thu sao cho có sự công bằng, tránh xảy ra những bất hợp lý. Đây là vấn đề khó vì mỗi đối tượng thu cũng đưa ra nhiều khoản thu khác nhau, ví dụ UBND xã có từ 9 đến 10 khoản thu, có khoản thu theo hộ, có khoản theo khẩu, theo lao động... Chính vì vậy, theo cách tiếp cận này sự bất hợp lý chắc chắn xảy ra nên cần phải nghiên cứu để đưa ra những căn cứ phù hợp, hoặc có chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo.

Các khoản thu được thu theo các căn cứ khác nhau: thu theo hộ, theo nhân khẩu, theo lao động, theo diện tích... và các khoản đóng góp khác. Giữa các xã lại dựa vào căn cứ thu khác nhau của mỗi khoản đóng góp, dẫn đến sự khác nhau về mức đóng góp giữa các loại hộ (Bảng 5). Thường các hộ kinh tế kém lại có số nhân khẩu cũng như diện tích đất công điền cao nên mức đóng góp cao hơn các hộ trung bình và khá. Một số khoản thu vẫn phải căn cứ vào số nhân khẩu, diện tích đất nên tất yếu dẫn đến tình trạng hộ nghèo có tỷ lệ các khoản phải đóng góp so với thu nhập cao hơn nhiều so với các hộ khá và trung bình.

Kết quả phân tích số liệu bảng 5 cho thấy, tình trạng mang tính phổ biến, hộ nghèo có tổng mức đóng góp hàng năm cao hơn hộ trung bình và khá. Hộ nghèo cũng có tỷ lệ các khoản đóng góp so với thu nhập cao hơn.

Từ thực tế các khoản đóng góp của nông dân huyện Kim Thành thời gian qua cho thấy, người nông dân vẫn còn phải nộp quá nhiều khoản đóng góp và tỷ lệ các khoản đóng góp này là khá lớn so với thu nhập của họ, đặc biệt là hộ nghèo. Có rất nhiều lý do dẫn đến điều này và một nghịch lý vẫn xảy ra là các xã nghèo lại có nhu cầu cho phát

triển nhiều hơn nên phải huy động từ dân nhiều hơn cho đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các mục tiêu phát triển khác. Chính cái nghịch lý đó càng làm khó khăn thêm cho các xã nghèo, hộ nghèo. Xét về góc độ quản lý, một số địa phương có những khoản thu chưa thực sự hợp lý, như tiền xây dựng, phí dịch vụ thú y, dịch vụ bảo vệ thực vật... nên đã gây bức xúc cho nông dân (Nguyễn Thị Thủy, 2007).

Trên đây mới chỉ đề cập đến các khoản thu từ địa phương, ngoài các khoản thu trên, người nông dân còn phải nộp nhiều khoản khác gồm các loại phí, lệ phí liên quan đến việc học hành của con cái họ cũng như các hoạt động đời sống hàng ngày của gia đình họ. Chính vì thế người nghèo khó nhận được sự công bằng từ các dịch vụ xã hội, nhất là dịch vụ giáo dục đào tạo nếu không có chính sách tín dụng hợp lý cho người nghèo. Điều này càng khẳng định sự đúng đắn trong chính sách cho học sinh, sinh viên nghèo vay vốn với lãi suất ưu đãi. Vấn đề quan trọng là việc thực hiện thế nào cho đúng đối tượng và mức độ được hưởng ưu đãi như thế nào cho hợp lý?

3.3. Tác động từ các khoản đóng góp của nông dân

Xét về bản chất các khoản đóng góp của dân nói chung, nông dân nói riêng trong mọi thời kỳ là rất cần thiết và mang nhiều ý nghĩa cho phát triển kinh tế của địa phương. Nhờ các khoản đóng góp của nông dân đã tạo ra các nguồn thu hợp pháp hỗ trợ cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế nông thôn và các mục tiêu xã hội khác. Trong những năm qua nhờ có các khoản đóng góp cộng với ý thức trách nhiệm của người dân nên trên địa bàn huyện tỷ lệ trường học các cấp được kiên cố hoá tăng lên (mầm non 27,4%, trường tiểu học 69,3%, trung học cơ sở 75%, trung học phổ thông 100%). Mạng lưới y tế của huyện phát triển khá tốt, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân, tỷ

lệ học sinh đổ vào các trường dạy nghề, cao đẳng và đại học ngày càng tăng.

Bên cạnh những mặt tích cực mà các khoản đóng góp của nông dân đem lại thì đằng sau nó còn nhiều vấn đề cần phải xem xét sự tác động theo mặt trái của nó.

Trước hết, về vấn đề thu nhập của nông dân. Xét về giá trị thì từng khoản đóng góp là không lớn nhưng tổng các khoản đóng góp lại là gánh nặng đối với người dân có thu nhập thấp từ sản xuất nông nghiệp. Hàng năm hộ nông dân phải chi dùng cho các nhu cầu thiết yếu khoảng 85% - 90% tổng thu nhập (Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện Kim Thành, 2007), chưa kể các khoản đóng góp. Vì vậy người nông dân có nhiều khó khăn về tài chính để đáp ứng các yêu cầu về đi lại, được chăm sóc y tế và việc học hành của con cái họ, chưa nói đến cần phải tích lũy để phát triển sản xuất, cải thiện điều kiện ăn ở, trong khi nhu cầu phát triển của xã hội ngày càng cao.

Nếu xét về sự công bằng trong xã hội, trên thực tế tại nhiều địa phương người nông dân phải tự bỏ tiền để xây dựng cơ sở hạ tầng nhưng lại được hưởng chất lượng dịch vụ thấp hơn cư dân thành phố được hưởng dịch vụ từ cơ sở hạ tầng phát triển nhưng lại do Nhà nước đầu tư. Đó là sự chưa được công bằng, và điều vẫn thường xảy ra là, khi xã hội càng phát triển thì khoảng cách chất lượng cuộc sống giữa thành thị và nông thôn ngày càng rộng ra.

Những hệ lụy của các khoản đóng góp, có nhiều trường hợp thường vẫn xảy ra, khi một số hộ nông dân do khó khăn về kinh tế không nộp đủ các khoản đóng góp, nhiều địa phương gây cản trở trong việc giải quyết các thủ tục hành chính, như xin chứng thực các loại giấy tờ, thủ tục đăng ký kết hôn, nhập tịch hay chuyển khẩu..., gây nên những bức xúc cho người dân.

Tác động của việc giảm một số khoản đóng góp, chính sách miễn giảm thuế lợi phí của Chính phủ là một chủ trương đúng đắn

hợp lòng dân, tạo điều kiện cho nông dân giảm bớt khó khăn, tập trung đầu tư cho phát triển sản xuất. Tuy nhiên, đằng sau chính sách này ở một số địa phương, người nông dân lại nhận được chất lượng dịch vụ thuế lợi thấp hơn trước khi miễn giảm. Hiện nay chưa có nghiên cứu nào so sánh lợi ích của nông dân do được giảm thuế lợi phí với lợi ích giảm do giảm năng suất, hoặc phát sinh thêm chi phí do chất lượng dịch vụ thuế lợi giảm. Chính vì vậy vấn đề quan trọng là việc chỉ đạo thực hiện các chính sách phải đồng bộ, phải có các biện pháp đi kèm, đồng thời cần lường trước những mặt trái để thực sự chính sách đó phải làm tăng được lợi ích cho nông dân.

3.4. Một số đề xuất rút ra từ nghiên cứu

Chúng ta đều thấy được tầm quan trọng của các khoản đóng góp từ dân cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Ngoài việc tạo nguồn thu ngân sách cho các cấp, vấn đề quan trọng hơn là tạo sự công bằng trong xã hội, làm cho người dân nâng cao trách nhiệm trong việc sử dụng các dịch vụ xã hội. Vấn đề còn nhiều người băn khoăn là nên có bao nhiêu khoản cần thiết nông dân phải đóng góp là hợp lý? Căn cứ, đối tượng thu và mức thu của từng khoản thế nào?

Trong khuôn khổ giới hạn, các số liệu trên đây mới chỉ phản ánh mang tính tổng quát, không có điều kiện trình bày một cách chi tiết từng khoản đóng góp. Tuy nhiên từ kết quả điều tra, nghiên cứu tại huyện Kim Thành, một số đề xuất cụ thể được đưa ra như sau:

Các khoản đóng góp cần giữ nguyên

Đối với các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản đóng góp thiết thực khác phục vụ phát triển kinh tế, phát triển sản xuất đề nghị cần được giữ nguyên nhằm phát huy nội lực của dân, nâng cao tinh thần trách nhiệm của dân trong việc thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”. Cụ thể các khoản này gồm:

- Thuế nhà đất do UBND xã thu và căn cứ thu theo diện tích là hợp lý, cần giữ nguyên và thực hiện thu theo đúng pháp lệnh thuế.

- Các khoản tu bổ kênh mương, bảo vệ đồng điền là cần thiết cần phải được duy trì để người dân được nhận chất lượng dịch vụ tốt hơn.

- Cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền để thu hút các tầng lớp xã hội, các tổ chức nghề nghiệp tham gia tình nguyện đóng góp quỹ khuyến học cho địa phương để giảm bớt mức huy động từ các hộ nghèo.

Các khoản thu cần điều chỉnh

- Điều chỉnh căn cứ thu:

+ Các khoản thu dịch vụ thú y, phí bảo vệ đồng ruộng, dịch vụ bảo vệ thực vật cần quy định giá của dịch vụ để chỉ tiến hành thu đối với những đối tượng sử dụng dịch vụ, tránh tình trạng cào bằng như hiện nay: đối tượng không sử dụng dịch vụ cũng phải đóng góp như đối tượng sử dụng dịch vụ.

+ Quỹ môi trường thực chất là nộp phí sử dụng dịch vụ môi trường nên cũng cần quy định, phân biệt đối tượng sử dụng dịch vụ nhiều hay ít để quy định mức thu hợp lý. Vì vậy, ngoài việc thu bình quân theo hộ còn phải quy định mức thu căn cứ vào mức độ làm ảnh hưởng đến môi trường của từng đối tượng cho hợp lý.

- Điều chỉnh mức thu:

+ Các khoản thu như xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; Thu công điền; An ninh địa phương... cần nghiên cứu để điều chỉnh đối tượng thu và mức thu cho phù hợp.

+ Các khoản thu mang tính chất xã hội như quỹ tang hiếu, quỹ tình nghĩa, ủng hộ nạn nhân chất độc màu da cam, quỹ đền ơn đáp nghĩa... cần thể hiện tinh thần tương thân tương ái theo nguyên tắc tự nguyện và tùy thuộc vào tình hình cụ thể mà phát động. Không nên coi đây là khoản thu bắt buộc và chỉ nên thu một lần trên một đối

tượng, không nên ấn định mức thu, đối tượng thu.

+ Các khoản thu do tỉnh quy định để bổ sung ngân sách nên giảm mức thu đối với nông dân, đặc biệt là hộ nghèo.

+ Đối với thủy lợi phí: nên miễn giảm từng phần và Nhà nước nên miễn phần tạo nguồn còn vẫn giữ khoản thu phí sử dụng dịch vụ thủy lợi nhằm nâng cao chất lượng phục vụ. Phần ngân sách nhà nước, ngân sách tỉnh sử dụng bù đắp miễn giảm thủy lợi phí cần cấp trực tiếp cho xí nghiệp thủy nông, chi nhánh điện tránh qua nhiều cấp sẽ khó quản lý, kiểm soát.

Các khoản thu đề nghị xóa bỏ

Chính quyền huyện, xã phải rà soát lại các khoản đóng góp của nông dân để loại bỏ những khoản thu bất hợp lý, cương quyết giảm các khoản thu không có trong danh mục thu mà Nhà nước không quy định, tuyệt đối không cho phép các nơi thu những khoản thu vô lý và mức thu quá cao.

Trên thực tế cho thấy, không phải loại phí, lệ phí nào có trong danh mục phí, lệ phí của Pháp lệnh cũng hoàn toàn phù hợp với thực tiễn. Ngược lại, một số loại phí chưa có trong danh mục, nhưng thực tế cho thấy việc thu là hợp lý. Sở dĩ có tình trạng này, theo lý giải của đại diện một số bộ, ngành là do hiện nay, chưa phân định được rõ giữa phí - lệ phí - giá dịch vụ, chưa công khai cụ thể danh mục các phí, lệ phí đã bị bãi bỏ... Sự chưa rõ ràng này là kẽ hở cho một số địa phương chuyển sang thu một loại phí khác hoặc trá hình dưới hình thức dân tự nguyện đóng góp. Chính vì thế cần tách phí, lệ phí quản lý Nhà nước và giá dịch vụ cho rõ ràng.

Điều tra tại 3 xã cho thấy, địa phương đã tự đặt ra một số khoản thu như quỹ xóm, thu phạt nợ đọng, thu kiến thiết địa phương. Đây là các khoản thu không hợp lý ảnh hưởng đến thu nhập của người dân, đồng thời gây nhiều thắc mắc, nên cần phải được xóa bỏ.

Các HTX dịch vụ nông nghiệp tuy đã được chuyển đổi nhưng do hoạt động kém hiệu quả nên không đủ nguồn thu để trang trải chi phí cho bộ máy quản lý nên đã quy định thu phí quản lý HTX. Do HTX là đơn vị kinh doanh dịch vụ nên việc làm trên vô hình chung lại để tái diễn tình trạng bao cấp cho bộ máy quản lý HTX dưới hình thức biến tướng qua thu phí quản lý để trang trải hoạt động. Chính vì vậy, cần phải cắt bỏ khoản thu này và phải đổi mới, phát triển HTX theo đúng chức năng mà Luật HTX đã quy định.

Một trong những lý do làm cho người dân thắc mắc về các khoản đóng góp là do địa phương chưa thực hiện công khai các khoản chi, hoặc chưa có quy chế sử dụng các khoản thu. Chính vì vậy, các địa phương cần phải xây dựng quy chế sử dụng các khoản thu một cách cụ thể, đồng thời phải thực hiện công khai, minh bạch các khoản chi. Đây sẽ là biện pháp tốt nhất để tạo ra sự đồng thuận trong việc huy động các khoản đóng góp của người dân, phục vụ cho phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

4. KẾT LUẬN

Các khoản đóng góp của nông dân huyện Kim Thành nhìn chung đã có vai trò tích cực trong việc phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn, phục vụ tốt các hoạt động của các tổ chức xã hội. Bên cạnh những mặt đã đạt được thì một số khoản đóng góp của nông dân

cũng có ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống xã hội của địa phương, nhiều khoản thu còn có mức cao so với mặt bằng chung của cả nước và chưa hợp lý.

Với một số đề xuất từ nghiên cứu thực tế, chúng tôi không có tham vọng có một sự thay đổi lớn, chỉ mong rằng các cấp quản lý đưa ra chính sách thuộc phạm vi trách nhiệm của mình cần phải thực hiện đúng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, quan tâm nhiều hơn nữa đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn, thực hiện xoá đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn Việt Nam văn minh giàu đẹp và đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Nông nghiệp & PTNT (2008). Báo cáo của Cục Hợp tác xã năm 2007.
- Niên giám thống kê huyện Kim Thành năm 2005 - 2007.
- Nguyễn Thị Thuý (2008). Nghiên cứu các khoản đóng góp của nông dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Luận văn thạc sỹ kinh tế.
- UBND huyện Kim Thành (2008). Báo cáo Phòng Tài chính huyện năm 2007.
- UBND huyện Kim Thành (2008). Báo cáo Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện năm 2007.